

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/DS-ST
Ngày: 24-9-2024
V/v“Tranh chấp về hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Thúy Nga

Ông Huỳnh Hoàng Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1978 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Ông V1 có mặt; bà H vắng mặt.

Người làm chứng:

Bà Trần Thị Đình T1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

Ông Bùi Văn C, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Trong năm 2022, bà T có tham gia 02 dây hội do bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 làm thảo hội, theo đơn khởi kiện ban đầu, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 trả cho bà tổng số tiền hội đã đóng của 02 dây hội là 24.000.000 đồng. Không yêu cầu tiền lãi. Quá trình giải quyết vụ án, bà T có sửa đổi, bổ sung yêu cầu. Do bà H không phát danh sách hội và bà T cũng không tham gia bỏ hội thường xuyên. Bà T chỉ đóng hội theo thông báo của bà H. Việc đóng hội do tin tưởng nên không ký nhận. Số tiền hội theo đơn khởi kiện là chưa chính xác, chỉ ước chừng.

Sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ khác, bà T xác định lại chỉ yêu cầu bà H và ông V1 liên đới trả cho bà số tiền hội đã đóng của 02 dây hội là 21.270.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Cụ thể:

1. Dây hội 1.000.000đồng, mỗi tháng khai 01 lần, mở hội ngày 20/6/2022, có 22 thành viên, bà T tham gia 02 phần, đã hốt hội 01 phần và còn 01 phần hội sống. Dây hội này bà T đã đóng hội được 15 lần thì bà H ngưng khai hội. Ban đầu bà T yêu cầu bà H và ông V1 trả lại tiền vốn đã đóng phần hội sống của dây hội này là 12.000.000 đồng. Sau này bà T xin danh sách hội của người chơi hội chung là ông Bùi Văn C mới biết chính xác số tiền hội đã đóng dây hội này, tên bà trong danh sách hội bà H ghi là Chị T 1 và Chị T 2, hội sống đóng được 14 lần với tổng số tiền 10.770.000 đồng, cụ thể:

Lần 1 đóng vào tháng 6/2022 với số tiền 750.000 đồng; Lần 2 đóng vào tháng 7/2022 với số tiền 800.000 đồng; Lần 3 đóng vào tháng 8/2022 với số tiền 750.000 đồng; Lần 4 đóng vào tháng 9/2022 với số tiền 750.000 đồng; Lần 5 đóng vào tháng 10/2022 với số tiền 780.000 đồng; Lần 6 đóng vào tháng 11/2022 với số tiền 780.000 đồng; Lần 7 đóng vào tháng 12/2022 với số tiền 750.000 đồng; Lần 8 đóng vào tháng 01/2023 với số tiền 750.000 đồng; Lần 9 đóng vào tháng 02/2023 với số tiền 780.000 đồng; Lần 10 đóng vào tháng 3/2023 với số tiền 840.000 đồng; Lần 11 đóng vào tháng 4/2023 với số tiền 790.000 đồng; Lần 12 đóng vào tháng 5/2023 với số tiền 750.000 đồng; Lần 13 đóng vào tháng 6/2023 với số tiền 750.000 đồng; Lần 14 đóng vào tháng 7/2023 với số tiền 750.000 đồng.

Riêng lần thứ 15 bà T không nhớ đóng bao nhiêu và số hội của bà H cũng không ghi nên không yêu cầu.

2. Dây hội 1.000.000đồng, mỗi tháng khai 01 lần, mở hội ngày 25/6/2022, có 22 thành viên, bà T tham gia 01 phần. Dây hội này bà T đã đóng hội được 15 lần thì bà H ngưng khai hội. Ban đầu bà T yêu cầu bà H và ông V1 trả lại tiền vốn đã đóng của dây hội này là 12.000.000 đồng. Sau khi bà T đối chiếu vào sổ hội của bà H thì xác định lại yêu cầu, chỉ yêu cầu trả lại tiền hội đã đóng 14 lần với tổng số tiền 10.500.000 đồng. Cụ thể:

Lần 1 ngày 25/6/2022 bỏ hội 250.000đồng, đóng số tiền 750.000 đồng; Lần 2 ngày 25/7/2022 bỏ hội 270.000đồng, đóng số tiền 730.000 đồng; Lần 3 ngày 25/8/2022 bỏ hội 250.000đồng, đóng số tiền 750.000 đồng; Lần 4 ngày 25/9/2022 bỏ hội 250.000đồng, đóng số tiền 750.000 đồng; Lần 5 ngày

25/10/2022 bỏ hụi 250.000đồng, đóng số tiền 750.000 đồng; Lần 6 ngày 25/11/2022 bỏ hụi 250.000đồng, đóng số tiền 750.000 đồng; Lần 7 ngày 25/12/2022 bỏ hụi 280.000đồng, đóng số tiền 720.000 đồng; Lần 8 ngày 25/01/2023 bỏ hụi 300.000đồng, đóng số tiền 700.000 đồng; Lần 9 ngày 25/02/2023 không để số tiền, tính đóng bằng lần 8 là 700.000đ; Lần 10 ngày 25/3/2023 bỏ hụi 220.000đồng, đóng số tiền 780.000 đồng; Lần 11 ngày 25/4/2023 không để số tiền, tính đóng bằng lần 10 là: 780.000đồng; Lần 12 ngày 25/5/2023 bỏ hụi 200.000đồng, đóng số tiền 800.000 đồng; Lần 13 ngày 25/6/2023 bỏ hụi 230.000đồng, đóng số tiền 770.000 đồng; Lần 14 ngày 25/7/2023 không để số tiền, tính đóng bằng lần 10 là: 770.000đồng.

Tổng số tiền bà T yêu cầu bà H, ông V1 trả là 21.270.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Đối với dây hụi khai ngày 20/6/2022 có 01 phần đã hốt thì bà T có ý kiến: Phần hụi này bà bỏ hụi 210.000 đồng vào lần khai hụi thứ 11 và được hốt hụi số tiền 18.690.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 500.000 đồng thì bà T nhận được số tiền 18.190.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà T đã đóng tiếp được 3 lần hụi chết là lần 12, 13 và 14 với số tiền 3.000.000 đồng. Số tiền hụi chết còn phải đóng đến khi mãn hụi là 08 lần là 8.000.000 đồng. Bà T đồng ý trừ số tiền hụi chết vào số tiền bà T kiện bà H, ông V1. Nên số tiền bà T yêu cầu bà H và ông V1 liên đới trả cho bà T là 21.270.000 đồng - 8.000.000 đồng = 13.270.000 đồng. Không yêu cầu tiền lãi.

Ông Nguyễn Văn V1 trình bày: Ông V1 với bà H là vợ chồng hợp pháp. Ông V1 biết bà H có mở nhiều dây hụi có nhiều người tham gia, bà H có sổ hụi theo dõi các dây hụi và ông V1 đã nộp cho Tòa án trong quá trình các hụi viên khởi kiện. Ông V1 biết bà T có tham gia các dây hụi do bà H làm đầu thảo như bà T trình bày. Nay ông V1 đồng ý liên đới cùng bà H trả lại cho bà T tiền hụi đã đóng số tiền 13.270.000 đồng. Đồng ý việc bà T tự nguyện trừ tiền hụi chết.

Bà Phạm Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu theo đơn khởi kiện của bà T.

Bà Trần Thị Đình T1 và ông Bùi Văn C trình bày: Bà T1 và ông C có tham gia hụi do bà H làm đầu thảo. Bà T1 và ông C xác nhận bà T có tham gia chung với ông, bà dây hụi tháng 1.000.000 đồng khai ngày 20/6/2022, gồm có 22 phần, dây hụi này hụi viên đã đóng cho bà H 14 lần với số tiền 10.770.000 đồng là đúng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Văn V1 đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị H chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2024, bà T yêu cầu ông Nguyễn Văn V1 và bà Phạm Thị H trả số tiền hụi bà đã đóng cho 02 dây hụi là 24.000.000đồng. Không yêu cầu lãi suất. Tại biên bản lời khai ngày 01/8/2024 bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện. Bà yêu cầu ông Nguyễn Văn V1 và bà Phạm Thị H trả số tiền hụi bà đã đóng cho 02 dây hụi là 13.270.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V1 đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn bà Phạm Thị H vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông V1, bà H trả tổng số tiền cho 02 dây hụi là 13.270.000 đồng, thấy rằng bà T cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh bà có tham gia 02 dây hụi do bà H làm đầu thảo. Đối với dây hụi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu mở hụi ngày 20/6/2022 bà T tham gia 02 phần, đã hốt 01 phần, còn sống 01 phần. Phần hụi sống đã đóng hụi cho bà H được 14 lần với số tiền 10.770.000 đồng. Phần hụi chết còn nợ lại là 8.000.000 đồng; Đối với dây hụi tháng 1.000.000đồng khai ngày 25/6/2022 thì bà T đã đóng hụi cho bà H được 14 lần với số tiền 10.500.000đồng. Bà T đồng ý trừ tiền hụi chết nên số tiền còn lại là 13.270.000 đồng. Lời trình bày và yêu cầu của bà T được ông V1 và bà T1, ông C xác nhận đúng sự thật. Việc cản trở hụi là có lợi cho bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì cách thức tham gia hụi do bà Phạm Thị H làm thảo hụi không lập thành văn bản, khi bỏ thăm hốt hụi, đóng hụi cũng không có ký tên; bà H chỉ lập danh sách thành viên tham gia dây hụi và thông báo đến các hụi viên về số lượng thành viên tham gia, số phần trong dây hụi, số tiền cần đóng, các hụi viên không cần trực tiếp tham gia bỏ hụi với nhau mà tất cả các thông tin đều do bà H điện thoại thông báo. Đối chiếu sổ hụi do bà H, bà T2 lập và lời trình bày của các người làm chứng (bà T2, ông C) cùng tham gia chung các dây hụi với nguyên đơn nhận thấy lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Văn V1: Ông V1 là chồng bà H, thời gian bà H làm chủ thảo hụi thì giữa ông V1 và bà H vẫn còn là hôn nhân hợp pháp. Việc bà H làm thảo hụi ông V1 có biết và ông cũng biết bà T có tham gia hụi do vợ ông làm đầu thảo. Trước yêu cầu của nguyên đơn, ông V1 đồng ý cùng bà H trả nợ nên yêu cầu của nguyên đơn buộc ông V1 trả nợ cùng bà H là có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên căn cứ Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, 471 của BLDS năm 2015; Điều 27 Luật HNGĐ; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hụi”. Bị đơn Nguyễn Văn V1 và bà Phạm Thị H cư trú tại ấp X, xã V, huyện V nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Bùi Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Phạm Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà T yêu cầu ông Nguyễn Văn V1 và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền hụi đã đóng cho 02 dây hụi là 24.000.000 đồng. Không yêu cầu lãi suất. Sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ khác bà T yêu cầu ông V1, bà H trả số tiền 21.270.000 đồng và đồng ý trừ tiền hụi chết 8.000.000 đồng nên chỉ yêu cầu ông V1 và bà H trả cho bà 13.270.000 đồng. Xét thấy, việc bà T có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nhưng vẫn nằm trong giới hạn đơn khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[3.2] Bà T khởi kiện yêu cầu bà H và ông V1 trả lại tiền hụi đã đóng của 02 dây hụi và cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm danh sách hụi, bảng kê số tiền hụi đã đóng, phù hợp với sổ hụi của bà H, lời khai người làm chứng cũng như sự thừa nhận của ông Nguyễn Văn V1. Theo đó thể hiện bà T có tham gia 02 dây hụi tháng 1.000.000 đồng do bà H làm đầu thảo (trong đó có 01 dây chơi 02 phần và đã hốt 01 phần), hụi sống bà T đã đóng cho bà Phạm Thị H tổng số tiền là 21.270.000 đồng là có thật. Đối với dây hụi đã hốt còn 8.000.000 đồng hụi chết phải đóng, tuy bà H, ông V1 không yêu cầu nhưng bà T tự nguyện cản trừ là có lợi cho bị đơn, lời trình bày của bà T là phù hợp với thông tin trong sổ hụi của bà H nên được chấp nhận.

[3.3] Xét thấy, việc tổ chức chơi hụi chỉ theo tập quán ở địa phương và dựa vào niềm tin, việc tham gia hụi, giao tiền đóng hụi không thể hiện bằng biên nhận hay văn bản rõ ràng mà chỉ nói miệng với nhau hoặc tự ghi sổ theo dõi, tuy nhiên số tiền hụi nguyên đơn đã đóng cho bà H là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, bà H là đầu thảo tự ý ngưng khui hụi nên hụi viên yêu cầu trả lại tiền hụi đã đóng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.4] Về thực hiện nghĩa vụ liên đới: Do bà H và ông V1 là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn, quá trình bà H làm đầu thảo nhiều dây hụi thì ông V1 đều biết và bà H sử dụng tiền hoa hồng của chủ thảo để phục vụ nhu cầu thiết

yếu trong gia đình nên việc nguyên đơn yêu cầu ông V1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả lại tiền hụi là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3.5] Về tiền lãi: Do bà T không yêu cầu về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phưởng; nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228 và 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 357, 468 và 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phưởng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T về việc Tranh chấp về hụi với bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1.

Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị T số tiền là 13.270.000 đồng (mười ba triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn chậm trả tiền cho nguyên đơn thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

2. Về án phí:

Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn V1 phải liên đới chịu 664.000 đồng (đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị T 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai thu tiền số 0002630 ngày 28/5/2024.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh